

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án thành phần 1 - Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 Thành phố
Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh tại Công văn số 632/QLDA-ĐHDA ngày 29 tháng 6 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3836/TTr-SNNMT ngày 30/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án thành phần 1 - Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản

lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh (sau đây gọi là *Chủ dự án*) được thực hiện tại thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Bến Cát, thành phố Tân Uyên, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký././

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ NNMT (báo cáo);
- Các Sở: NN&MT, XD, TC;
- UBND các thành phố/huyện: TDM, BC, TU, BTU;
- Cổng Thông tin điện tử Sở NNMT;
- LĐVP(T,Th),Tn;
- Lưu: VT.

K~~Ê~~CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Minh Thạnh

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
THÀNH PHẦN 1 - GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐOẠN TỪ CẦU THỦ BIÊN - SÔNG SÀI GÒN**
(Kèm theo Quyết định số: 2209 /QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án thành phần 1 - Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn.
- Địa điểm thực hiện: Thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Bến Cát, thành phố Tân Uyên, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

1.2. Quy mô

- Tổng diện tích đất chiếm dụng của dự án khoảng 268,57ha.
- Thực hiện hoàn chỉnh với quy mô 8 làn xe cao tốc đầy đủ, nền đường rộng 74,5m cho những đoạn từ Thủ Biên - ĐT.742 (VSIP IIA), đoạn từ cầu Thới An-sông Sài Gòn và các nút giao là đoạn tuyến xây dựng mới. Riêng đoạn nối Khu Công nghiệp VSIP IIA - Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 giải phóng mặt bằng với quy mô 62m; đoạn Thủ Biên - Đất Cuốc (kể cả nút giao cầu Thủ Biên phía Bình Dương) đã thực hiện trong dự án khác.
- Thực hiện giải phóng mặt bằng mố cầu Thủ Biên khoảng 0,6ha thuộc dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn.
- Thực hiện giải phóng mặt bằng 02 trạm dừng nghỉ khoảng 05ha/trạm tại vị trí Km81+400 (*bên trái tuyến*) và lý trình Km85+300 (*bên phải tuyến*) trong dự án thành phần 1: Giải phóng mặt bằng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh đoạn từ cầu Thủ Biên - sông Sài Gòn.

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022*).

1.3. Phạm vi

1.3.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án: Tổng chiều dài tuyến khoảng 27,83km và mở rộng các vị trí nút giao tại phân đoạn Km89+300 - Km99+000, Km99+000 - Km103+800 với tổng diện tích đất chiếm dụng khoảng



268,57ha:

1.3.1.1. Bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để thực hiện các hạng mục công trình của Dự án: Tổng diện tích chiếm dụng khoảng 268,57ha trong đó đất không thu hồi khoảng 40,02ha (đất giao thông khoảng 37,27ha; đất sông, suối khoảng 2,75ha) và đất thu hồi khoảng 228,55ha (diện tích bồi thường khoảng 216,77ha (đất lúa khoảng 18,5ha; đất trồng cây hàng năm khác khoảng 10,04ha; đất trồng cây lâu năm khoảng 175,88ha; đất ở khoảng 9,19ha; đất sản xuất kinh doanh khoảng 2,97ha; đất hành lang bảo vệ đường bộ khoảng 0,03ha; đất rừng sản xuất khoảng 0,16ha); diện tích không bồi thường khoảng 11,78ha (đất cây xanh khoảng 2,2ha; giáo dục khoảng 0,63ha; đất nghĩa trang khoảng 0,73ha; đất rừng sản xuất khoảng 8,22ha).

1.3.1.2. Di dời, thi công hoàn trả hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp

- Di dời, thi công hoàn trả 04 đường dây tải điện 110kV và 500kV:

+ Đường dây 110kV lộ UH176 - ĐC172, UH175-ĐC171 ở khoảng cột 08 – 09.

+ Đường dây 110kV 2 mạch (Hòa Lợi – Hòa Bình), (Hòa Bình- Hòa Lợi) ở khoảng cột 26 – 27.

+ Đường dây 110kV lộ 177 Uyên Hưng – 171 Phú Giáo và lộ 180 Uyên Hưng – 171 Trị An ở khoảng cột 13 -14.

+ Đường dây 500kV Chơn Thành - Cầu Bông: Lộ 1 CT(573,563) – CB (573, 563); lộ 2 CT (574,564) – CB (572,562) ở khoảng trụ 856 -857.

- Di dời, thi công hoàn trả hệ thống điện trung thế với chiều dài khoảng 11.974,6m; hệ thống điện hạ thế với chiều dài khoảng 14.428m và thực hiện di dời khoảng 30 trạm biến áp.

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư

- Thu hồi, giải phóng mặt bằng trên tổng diện tích đất chiếm dụng khoảng 268,57ha và bố trí vị trí tái định cư cho khoảng 300 hộ phải di dời do thu hồi đất ở.

- Bố trí 02 công trường thi công trong phạm vi giải phóng mặt bằng để thực hiện di dời, hoàn trả hệ thống đường điện.

- Phát quang sinh khối, phá dỡ công trình, vật kiến trúc trên đất, dọn dẹp mặt bằng và xây dựng hoàn trả hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp.

- Sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng.

- Vận chuyển nguyên vật liệu thi công, vận chuyển chất thải rắn thông thường tới vị trí tập kết theo quy định.

1.3.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc

phạm vi đánh giá tác động môi trường:

Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công; đánh giá, khai thác khoáng sản, tận thu lâm sản (*rừng sản xuất*) và bóc lớp đất hữu cơ bề mặt diện tích đất trồng lúa trong phạm vi thực hiện Dự án; thi công đường, thi công cầu, thi công nút giao và thi công các công trình phụ trợ, xây dựng hoàn trả các công trình thuỷ lợi, kênh mương thoát nước; hoạt động thi công xây dựng và vận hành các khu tái định cư.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên với diện tích 13,03ha nên có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ*).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động phát quang sinh khối, phá dỡ nhà ở và các công trình trên đất (*nhà cửa, cây cối và công trình khác*), dọn dẹp mặt bằng và vận chuyển phế thải, đất đá thải làm phát sinh bụi, tiếng ồn, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Di dời, thi công hoàn trả hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp làm phát sinh bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động của công nhân tại công trường làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động vận chuyển, nguyên, vật liệu thi công, vận chuyển phế thải, đất đá thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Hoạt động sinh hoạt của 40 công nhân viên (*20 công nhân viên/công trường*) làm phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 04 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, Tổng chất rắn lơ lửng, BOD₅, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliforms.



- Hoạt động thi công làm phát sinh nước thải xây dựng với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày/công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, tổng chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công phá dỡ nhà ở và các công trình trên đất, hoạt động đào đắp, vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, đổ đất đá thải loại phát sinh bụi, khí thải, có khả năng ảnh hưởng tới đời sống, sức khỏe của người dân tại các khu dân cư (sau đây gọi tắt là KDC) gần khu vực thi công giải phóng mặt bằng bao gồm: (1) KDC ấp 1, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên tại lý trình Km64+400; (2) Cụm dân cư khu phố 6, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên tại lý trình Km76+500 – Km77+500; (3) KDC khu phố 3, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên tại lý trình Km86+200 -87+200; (4) KDC khu phố 4, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên tại lý trình Km89+900-Km91+600; (5) KDC khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thành phố Bến Cát tại lý trình Km94+500 – Km96+900; (6) KDC khu phố 4, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát tại lý trình Km101, nút giao với QL.32; (07) KDC khu phố An Mỹ, phường An Điền, thành phố Bến Cát tại lý trình Km104+900 - Km105+600; (8) KDC khu phố An Thành, phường An Tây, thành phố Bến Cát tại lý trình Km108+600-Km109+200 và Km109-Km110+800. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO_x, NO_x, SO₂, HC.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động sinh hoạt của 40 công nhân viên (20 công nhân viên/công trường) làm phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng với khối lượng khoảng 10 kg/ngày/công trường.

- Hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng phát sinh khoảng 31.451,1 tấn. Thành phần chủ yếu là các loại gạch đá vỡ, vụn bê tông, mẫu gỗ bỏ, cốt ép, đất đá, cát sỏi, vữa rơi vãi, bùn đất thải...

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng 2.747,52 tấn. Thành phần chủ yếu gồm: Thực bì, cây gỗ, cành lá, rễ cây.

- Hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng và di dời hệ thống đường điện, trạm biến áp phát sinh khoảng 31.581,7 tấn. Thành phần chất thải của dự án chủ yếu là các loại gạch đá vỡ, vụn bê tông, mẫu gỗ bỏ, cốt ép, đất đá, cát sỏi, vữa rơi

vãi và khoảng 450 m³ bùn bể phốt.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động giải phóng mặt bằng phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 29 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Dầu, mỡ thải, giẻ lau dính dầu.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công phá dỡ nhà ở và các công trình trên đất, hoạt động đào đắp, vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, đổ đất đá thải loại phát sinh tiếng ồn và độ rung có khả năng ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh khu vực thi công giải phóng mặt bằng, bao gồm: (1) KDC ấp 1, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên tại lý trình Km64+400; (2) Cụm dân cư khu phố 6, phường Uyên Hưng, TP. Tân Uyên tại lý trình Km76+500 – Km77+500; (3) KDC khu phố 3, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên tại lý trình Km86+200 - 87+200 ; (4) KDC khu phố 4, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên tại lý trình Km89+900-Km91+600; (5) KDC khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thành phố Bến Cát tại lý trình Km94+500 – Km96+900; (6) KDC khu phố 4, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát tại lý trình Km101, nút giao với QL.32; (07) KDC khu phố An Mỹ, phường An Điền, thành phố Bến Cát tại lý trình Km104+900 - Km105+600; (8) KDC khu phố An Thành, phường An Tây, thành phố Bến Cát tại lý trình Km108+600-Km109+200 và Km109-Km110+800.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động chiếm dụng đất vĩnh viễn: Khoảng 9,19ha đất ở và có khoảng 300 hộ phải di dời tới nơi ở mới làm ảnh hưởng tới đời sống vật chất, tinh thần của các hộ dân; khoảng 10,04ha đất trồng cây hàng năm khác, khoảng 175,88ha đất trồng cây lâu năm, khoảng 18,5ha đất lúa và khoảng 8,38ha đất rừng sản xuất dẫn đến ảnh hưởng tới sinh kế, thu nhập, mức sống của người dân có đất bị thu hồi.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng tối đa khoảng 0,28 m³/s.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Đối với công nhân thực hiện phá dỡ nhà ở, các công trình ngầm, nổi: Do thời gian phá dỡ tại các vị trí thường ngắn, không bố trí lán trại công trường nên quá trình thi công phá dỡ sử dụng nhờ nhà vệ sinh của các hộ dân lân cận.

+ Đối với mỗi công trường thi công di dời hệ thống đường điện: Bố trí 02 nhà vệ sinh lưu động (loại có dung tích bể nước sạch $0,5m^3$, bể chứa chất thải $3m^3$) để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý theo quy định khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải thi công: Xây dựng 01 bể lắng 3 ngăn, thể tích $4,5m^3$ (kích thước $L \times B \times H = 3 \times 1 \times 1,5m$). Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được tái sử dụng toàn bộ vào mục đích làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; tưới nước làm ẩm (01 lần) trước khi phá dỡ công trình vào những ngày khô nóng; che chắn bạt được bao quanh khu vực phá dỡ nhà cửa ngăn ngừa bụi phát tán ra khu dân cư gần khu vực phá dỡ trước khi phá dỡ công trình; trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng (khẩu trang, mũ, kính...); thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Lắp dựng hàng rào có chiều cao từ 02 m trở lên tại các vị trí thi công qua các khu đô thị, khu dân cư tập trung.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tại mỗi công trường bố trí 03 thùng rác loại 120 lít, có nắp đậy để lưu chứa toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy

định với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phá dỡ nhà ở và các công trình trên đất: Ưu tiên để các hộ gia đình tự phá dỡ để tận dụng các vật liệu có thể tái sử dụng để xây dựng các công trình như gạch, gỗ, nhựa từ đường ống nước, mái tôn...; các loại vật liệu (*gạch vụn, bê tông, gỗ...*) còn lại không được người dân tận dụng sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định; bùn bể phốt sẽ được Chủ dự án hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển bằng các xe hút chuyên dụng và đem đi xử lý tại cơ sở tiếp nhận của đơn vị.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng: Đối với thảm thực vật là cây lúa, hoa màu và sẽ cho người dân tận thu để bán, làm thức ăn gia súc; lượng sinh khối còn lại (*chủ yếu là lá và rễ cây*) sẽ được thu gom và xử lý như chất thải rắn thông thường thông qua hợp đồng với các đơn vị chức năng để xử lý.

- Chất thải rắn phải được phân loại, thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý*) theo quy định tại Điều 10 Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 22/20223/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bố trí mỗi công trường 03 thùng chứa loại 120 lít có nắp đậy, có gắn mã phân định chất thải nguy hại theo quy định và lưu giữ. Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP



ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động; không thi công trong thời gian từ 11h30 - 13h30 và từ 22h00 - 06h00 tại các vị trí gần khu dân cư. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm; sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.

4.3.2. Giai đoạn vận hành: Không phát sinh

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật; đền bù đất và tài sản trên đất theo đơn giá tại thời điểm thu hồi đất; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các hộ dân bị ảnh hưởng; đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời kinh phí cho công tác giải phóng mặt bằng; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Bố trí tái định cư cho các hộ phải di dời do thu hồi đất ở có nhu cầu tái định cư theo đúng quy định.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

- Thu gom, quản lý các loại chất thải, nước thải phát sinh theo quy định; bố trí tập kết chất thải, phế thải tại vị trí cao ráo; che chắn khác phương tiện vận chuyển, không làm rơi vật liệu vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa hình thang và hệ thống hố lắng với khoảng cách khoảng 30m/hố lắng xung quanh các công trường thi công, bãi tập kết nguyên vật liệu và dọc hai bên ranh giới tuyến đường đang thi công với các khu vực dân cư để thu gom và lắng cặn nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra thủy vực xung quanh; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước và hố ga, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

- Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn => Hệ thống rãnh thu gom nước mưa

và hồ lắng => Lắng cặn => Môi trường.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện đúng các quy trình kiểm soát chất lượng bao gồm các hạng mục khảo sát trước khi thi công, phương án thi công, bản vẽ thi công; gia cố/chằng néo trong quá trình lắp dựng cột điện nhằm đảm bảo sự cân bằng ổn định của cột trong quá trình lắp dựng.

- Đảm bảo an toàn điện trong quá trình thi công, tránh phóng điện, chập cháy. Bố trí khu vực chứa nhiên liệu ở vị trí phù hợp, cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát ra tia lửa, lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây cháy nổ (như các kho chứa nhiên liệu xăng dầu...). Thường xuyên thực hiện công tác giám sát, kiểm tra tại các khu vực chứa nhiên liệu để phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời các nguy cơ xảy ra cháy nổ. Trang bị các phương tiện chữa cháy; đảm bảo các trang thiết bị đó luôn ở trong điều kiện sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố. Tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực và nhận thức của công nhân về an toàn cháy nổ.

- Thực hiện các quy định về an toàn lao động: Sử dụng nhân lực đã được đào tạo về an toàn thi công và an toàn điện. Trang bị đầy đủ các phương tiện liên lạc và trang thiết bị bảo hộ cho người lao động.

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn c thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ Dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành và cải tạo phục hồi môi trường như sau:

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí



- Vị trí giám sát: các vị trí qua khu dân cư đông đúc (1) KDC ấp 1, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên tại lý trình Km64+400; (2) Cụm dân cư khu phố 6, phường Uyên Hưng, TP. Tân Uyên tại lý trình Km76+500 – Km77+500; (3) KDC khu phố 3, phường Hội Nghĩa, thành phố Tân Uyên tại lý trình Km86+200 -87+200 ; (4) KDC khu phố 4, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên tại lý trình Km89+900-Km91+600; (5) KDC khu phố An Lợi, phường Hoà Lợi, thành phố Bến Cát tại lý trình Km94+500 – Km96+900; (6) KDC khu phố 4, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát tại lý trình Km101, nút giao với QL.32; (07) KDC khu phố An Mỹ, phường An Điền, thành phố Bến Cát tại lý trình Km104+900 - Km105+600; (8) KDC khu phố An Thành, phường An Tây, thành phố Bến Cát tại lý trình Km108+600-Km109+200 và Km109-Km110+800.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP).

- Tần suất giám sát: 01 lần/tháng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

c) Giám sát khác

- Thực hiện giám sát hoạt động bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Dự án; giám sát tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng và kinh phí đền bù, hỗ trợ theo quy định pháp luật về đất đai.

- Thực hiện giám sát quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải, đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển đổ thải.

5.2.2. Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện các hạng mục thi công của Dự án sau khi cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích

sử dụng đất, giao đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan, chỉ được thực hiện di dời, hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật khi được chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; thiết kế, kết cấu và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật, không xả thải ra môi trường; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan; xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh Bình Dương; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành Dự án; lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý, kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố cháy, nổ, tai nạn lao động cũng như các rủi ro, sự cố môi trường khác (nếu có) trong giai đoạn thi công Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường/xã có dự án đi qua chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày có Quyết định này.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các phường/xã tại các văn bản trả lời về tham vấn cộng đồng.

- Thực hiện điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.